

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/HS-ST**
Ngày: 20-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Xuân Nguyên

2. Bà Trần Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Lương Ngọc D (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 04 tháng 10 năm 1989 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Ng, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, không đăng ký tạm trú, không có nơi ở cố định. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Ngọc S (đã chết) và bà Sầm Thị L, sinh năm 1958; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ từ ngày 10/5/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tạm Nhà tạm giữ Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Người chứng kiến: Anh Triệu Quang T, sinh năm 1985 - Trú tại: Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 15 phút ngày 10/5/2021, tại khu vực đường dân sinh thuộc Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Công an huyện N đang làm nhiệm vụ thì phát hiện bắt quả tang Lương Ngọc D, sinh năm 1989, trú tại Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ 01 (một) gói nhỏ ma túy (*heroin*) được gói bằng 01 (một) lớp nilon màu đỏ tại nếp gấp ống quần bên trái D đang mặc trên người (ống quần xắn đến giữa cẳng chân trái của D) có khối lượng (*trọng lượng*) 0,45g (*không phải bốn năm gam*), tổ công tác đã thu giữ niêm phong trong phong bì ký hiệu T1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và thử phản ứng phát hiện chất ma túy đối với 01 (một) gói nhỏ ma túy thu giữ khi bắt quả tang Lương Ngọc D, sau đó đã tiến hành niêm phong lại toàn bộ số ma túy trong phong bì ký hiệu M1 để gửi trưng cầu giám định. Tại bản Kết luận giám định số 89/KTHS-MT ngày 15/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “*Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,45g (không phải bốn năm gam)*).

Quá trình điều tra, truy tố, Lương Ngọc D khai nhận: Số ma túy mà Cơ quan Công an thu giữ ngày 10/5/2021 là của D, do D mua về để sử dụng cho bản thân, cụ thể: Do bản thân là người nghiện ma túy nên vào khoảng 14 giờ ngày 09/5/2021, D một mình điều khiển xe mô tô (nhãn hiệu Honda Wave màu đen, không rõ biển kiểm soát mượn của Lý Trường G, sinh năm 2000, trú tại Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn) đi từ Thôn K, xã T ra xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để tìm mua ma túy. Khi đi đến khu vực đường bê tông thuộc Khu AB, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, D gặp và hỏi mua ma túy với 01 (một) người đàn ông khoảng hơn 40 tuổi (*không biết họ tên, địa chỉ*) và được người đàn ông này bán cho 01 (một) gói nhỏ ma túy với số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*). Sau khi mua được ma túy, D quay về Thôn K, xã T và trả xe mô tô cho G. Đối với số ma túy mua được, D đã trích ra sử dụng nhiều lần và cất giấu số còn lại trên người. Đến 12 giờ 15 phút ngày 10/5/2021 thì D bị cơ quan Công an bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Anh Triệu Quang T, sinh năm 1985, trú tại Thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn xác nhận: Ngày 10/5/2021 bản thân được chứng kiến việc Cơ quan Công an bắt quả tang Lương Ngọc D khi đang có hành vi cất giấu ma túy.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKSNS, ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Lương Ngọc D về tội: “*Tàng trữ trái phép*

chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Ngọc D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 10/5/2021.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (Heroine) hoàn trả sau giám định, phong bì niêm phong cũ, túi nilon cũ ký hiệu T89, M2.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lương Ngọc D khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, bị cáo Lương Ngọc D khai nhận: Do nghiện ma túy nên ngày 10/5/2021, Lương Ngọc D đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 (một) gói ma túy (Heroine) có khối lượng (trọng lượng) là 0,45g (*không phải bốn năm gam*) trên người, mục đích để sử dụng cho bản thân và đã bị tổ công tác Công an huyện N phát hiện bắt quả tang, tiến hành thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quá tang lập hồi 12 giờ 15 phút, ngày 10/5/2021; biên bản mở đóng niêm phong, cân tịnh khối lượng chất bột màu trắng nghi là Heroine và gửi mẫu giám định ngày 10/5/2021;

phù hợp với Kết luận giám định số 89/KTHS-MT ngày 15/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị cáo và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của Lương Ngọc D đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Heroine..... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng đạo đức, lối sống, bị cáo đã nghiện ma túy và đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,45g (*không phải bốn năm gam*) ma túy (Heroine).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông, buôn bán ma túy, là nguyên nhân làm lây lan, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo có bác ruột là Lương Ngọc X được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì.

Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn đe,

giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm, thu nhập ổn định do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Sô ma túy (Heroine) hoàn lại sau khi giám định, túi nilon cũ, phong bì niêm phong cũ là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án

Đối với người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ theo lời khai của D là người bán ma túy cho D vào ngày 09/5/2021, quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể của người này nên không đủ căn cứ làm rõ, xử lý.

Đối với Lý Trường G theo lời khai của D là người đã cho D mượn xe mô tô, quá trình điều tra xác định có sự việc G cho D mượn 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 97B2-037.53, tuy nhiên G không biết D mượn xe mô tô của mình để đi mua ma túy, không tham gia cùng nên cơ quan điều tra không xử lý đối với hành vi của G là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Lương Ngọc D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 10/5/2021.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong mẫu vật hoàn trả và phong bì niêm phong cũ, ký hiệu T89; Mặt sau phong bì có: 03 (ba) chữ ký không đọc được, 02 (hai) dấu tròn đỏ, dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn nơi giáp lai.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong túi nilon cũ và phong bì niêm phong cũ ký hiệu M2; Mặt sau phong bì có: 01 (một) dòng chữ “*Nông Văn Th*”, 01 (một) dòng chữ “*Đinh Quang Tr*”, 01 (một) dòng chữ “*Lương Ngọc D*”, 01 (một) dòng chữ “*Ngô Ngọc Đ*”, 01 (một) chữ “*D*”, 03 (ba) chữ ký không đọc được, 02 (hai) dấu tròn đỏ, dấu của Cơ quan CSĐT Công an huyện N nơi giáp lai.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/8/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ